



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 409- 2024/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 18/11/2024

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Tuy Hoà
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 51B01/24
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 7/11/2024
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 7/11/2024 đến ngày 15/11/2024
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCĐP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,25
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN12402-1:2020	2	0,18
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	15,16
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	39,42
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	< LOQ = 0,005
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	KPH (LOQ = 4,923)
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2023	1000	71
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,70
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,80
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,042)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	< LOQ = 0,57
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,007)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,94
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÒNG TỔNG GIÁM ĐỐC PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



(Signature)

Võ Bá Duy Huân

(Signature)

Trần Quang Vinh

Ghi chú:

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 06

Ngày ban hành: 15/07/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 410 - 2024/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày : 18/11/2024

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/lấy mẫu : Công ty Bia Massan Brewery
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 52M₁01/24
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 7/11/2024
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 7/11/2024 đến ngày 15/11/2024
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCDP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,12
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN12402-1:2020	2	0,47
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,09
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	14,15
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	38,41
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	< LOQ = 0,005
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	KPH (LOQ = 4,923)
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2023	1000	71
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,70
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	6,80
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,042)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,58
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,007)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,20
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

P. PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC
PHÚ YÊN

Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

Ghi chú: Nguyễn Tấn Thuận

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 06

Ngày ban hành: 15/07/2024



Số: 411 - 2024/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 18/11/2024
Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Thôn Chính Nghĩa, Xã An Phú, Thành phố Tuy Hoà
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 53M₁01/24
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 7/11/2024
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 7/11/2024 đến ngày 15/11/2024
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCĐP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,39
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN12402-1:2020	2	0,25
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	14,82
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	40,94
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	< LOQ = 0,005
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	KPH (LOQ = 4,923)
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2023	1000	74
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,80
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,00
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,042)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,71
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,007)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,30
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH



PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC

P. PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Ghi chú: *Nguyễn Văn Tuấn*

Wô Bá Duy Huân
Vô Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh
Trần Quang Vinh

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận

- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử



Số: 412 - 2024/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 18/11/2024
Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Khu phố 3 - Phường Hòa Vinh, Thị xã Đông Hòa
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 54M₁01/24
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 7/11/2024
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 7/11/2024 đến ngày 15/11/2024
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCDP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,34
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN12402-1:2020	2	0,14
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	14,48
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	41,95
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	< LOQ = 0,005
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	KPH (LOQ = 4,923)
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2023	1000	73
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,75
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	6,80
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,042)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	< LOQ = 0,57
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	0,01
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,20
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Ghi chú: Nguyễn Tấn Chuẩn

Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử